

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02/2020/KDTM- ST**
Ngày 08 tháng 01 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Lan Ka**

2. Bà **Phạm Thị Kim Dung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2018/TLST - KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **425/2019/QĐST-KDTM** ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng N** (Agribank); trụ sở chính: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Bùi Đức Khang – Chức vụ: Giám đốc Agribank - Chi nhánh H theo giấy ủy quyền số 510/UQ-HĐTV - PV ngày 19/6/2014; Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ Agribank - Chi nhánh H theo giấy ủy quyền số 30/QĐ - CNHH ngày 21/3/2018; địa chỉ: Số 24- 26 phố Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú tại: Số 3b, ngõ 99, phố L, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú tại: P 404, nhà G3, Khu 7,2 Ha, phường V, quận B, thành phố Hà Nội;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Minh H**, sinh năm 1958. Cùng hộ khẩu thường trú: Số 90 Tập thể nhà máy Điện Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội;

- Hộ gia đình bà **Khuất Thị S**, sinh năm: 1960; Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm: 1984 (con bà S); Chị **Nguyễn Thị T** (vợ anh D) sinh năm: 1988; Anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1986 (con bà S); Chị **Cần Thị T** (vợ anh S); sinh năm: 1987; cùng các cháu: **Nguyễn Ngọc Minh A**, sinh năm: 2011 (con anh D); cháu **Nguyễn Ngọc Phương V**, sinh năm: 2013 (con anh D); cháu **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 2012 (con anh S); cháu **Nguyễn Ngọc Bảo T**, sinh năm: 2014 (con anh S); cùng cư trú tại: Xóm C, thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T có mặt; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2018 của nguyên đơn, cũng như bản khai và các biên bản hòa giải, người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Mạnh C có vay vốn tại Agribank - Chi nhánh H theo Hợp đồng tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 với tổng số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất tại địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội; lãi suất cho vay 14,8 %/năm, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2010;

Tính đến 15/01/2018 dư nợ là 985.000.000 đồng; lãi trong hạn: 757.604.332 đồng; lãi quá hạn: 454.543.972 đồng;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Mạnh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ hợp đồng tín dụng chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/12/2011.

Tại phiên tòa ngày hôm nay Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân quận B:

1. Tuyên buộc ông Nguyễn Mạnh C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán một lần tiền nợ phải trả theo hợp đồng tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 08/01/2020 là 2.767.043.887 (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng trong đó nợ gốc: 985.000.000 đồng và lãi 1.782.043.887 đồng;

2. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trong trường hợp ông Nguyễn Mạnh C không trả được nợ, Ngân hàng N có toàn quyền tự xử lý tài sản đảm bảo hoặc đề nghị Chi cục thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cụ thể: Quyền sở hữu

nhà ở và quyền sử dụng đất của thửa đất tại địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176998, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00485.QSDĐ/399.QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/5/2002 mang tên bà **Phạm Minh H** thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên cho vay.

Nguyên đơn đồng ý sử dụng biên bản xem xét thẩm định ngày 06/7/2018 làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các biên bản hòa giải, ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Ông Nguyễn Mạnh C xác nhận có kí kết hợp đồng tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 với Ngân hàng N - Chi nhánh H số tiền tạm tính đến 15/01/2018 là 2.197.148.304 (*Hai tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm linh bốn nghìn*) đồng trong đó nợ gốc: 985.000.000 đồng và lãi 1.212.148.304 đồng;

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của thửa đất tại địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176998, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00485.QSDĐ/399.QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/5/2002 mang tên bà Phạm Minh H.

Đối với tài sản đảm bảo này ông Cường chỉ biết sổ đỏ này vẫn đứng tên bà Phạm Minh H, còn ai đang sinh sống trên địa chỉ này thì ông Cường không biết.

Nay ông Cường không có khả năng thanh toán số tiền theo hợp đồng tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 cho Ngân hàng, đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản đảm bảo.

Bị đơn đồng ý sử dụng biên bản xem xét thẩm định ngày 06/7/2018 làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Minh H trình bày:

Khoảng năm 2010, bà Hảo và bà Hồng có giao dịch mua bán mảnh đất tại địa chỉ Xóm C, thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội. Đến khoảng tháng 4 năm 2010 bà Hồng làm thủ tục sang tên sổ đỏ cho bà Hảo.

Sau đó bà Hảo và ông Nguyễn Mạnh C có hợp tác làm ăn. Để có vốn, bà Hảo đưa sổ đỏ cho ông Cường đi vay ngân hàng. Do làm ăn thua lỗ, ông Cường và bà Hảo không có khả năng trả nợ ngân hàng dẫn đến khoản nợ bị quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện, bà Hảo không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Hảo đề nghị không đưa ông Nguyễn Quang Phương chồng bà vào tham gia tố tụng do đây là tài sản riêng của một mình bà.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ngày 15/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Khuất Thị S, anh Nguyễn Tiến D, và chị Cần Thị T trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176998, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00485.QSDD/399.QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 09/5/2002 đã chuyển nhượng cho bà Phạm Minh H ngày 22/4/2010 có nguồn gốc là đất của bố mẹ chồng bà Sâm để lại, mang tên chồng bà Sâm là ông Nguyễn Văn Duân, có diện tích khoảng 298 m², thuộc thửa đất số 207 tờ bản đồ số 11.

Vào khoảng năm 2008 bà Sâm và chồng đã thống nhất đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho bà Thu (họ Hoàng) (thời điểm đó là hàng xóm của gia đình bà Sâm) nhờ vay 20.000.000 đồng để sửa chữa ao, vườn. Khi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho bà Thu thì bà Thu và một người nữa đi cùng (bà Hồng) có đưa vợ chồng bà Sâm một tờ giấy và yêu cầu ký vào, nội dung văn bản đó gia đình bà Sâm không đọc nên không biết nội dung gì. Sau khi ký một thời gian gia đình bà Sâm vẫn không nhận được tiền từ bà Thu nhưng do không hiểu biết nên cũng không hỏi lại bà Thu về số tiền vay cũng như về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mãi đến sau khi ông Duân mất (vào năm 2009) thì bà Thu có mang 20.000.000 đồng đến và có nói là cho bà Sâm để làm thủ tục mai táng chồng và từ đó đến nay gia đình bà cũng không nói chuyện gì đến vấn đề giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa.

Nay Ngân hàng khởi kiện ra tòa án, Tòa án nhân dân quận B thông báo cho gia đình bà Sâm về việc tòa án đang giải quyết vụ án liên quan đến mảnh đất của gia đình bà. Bà Sâm không biết bà Hảo và ông Cường là ai và cũng không biết vì sao mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà lại sang tên cho người khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, gia đình bà Sâm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho gia đình gia đình bà. Hiện nay hộ gia đình bà Khuất Thị S vẫn sinh sống tại nhà đất trên.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp

luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai trình bày của các đương sự, tài liệu về Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả tổng số tiền tạm tính đến hết 08/01/2020 là 2.767.043.887 (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy*) đồng trong đó nợ gốc: 985.000.000 (*Chín trăm tám mươi lăm triệu*) đồng và lãi 1.782.043.887 (*Một tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy*) đồng

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Ông Nguyễn Mạnh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 3b, ngõ 99, phố L, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú tại: P 404, nhà G3, Khu 7,2 Ha, phường V, quận B, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Việc ký kết hợp đồng tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 giữa nguyên đơn với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay, các bên đã tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/12/2011. Mặc dù Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng N khởi kiện đến Tòa án. Việc Ngân hàng khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T, qua đó xác nhận về hình thức và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 11 thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T176998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/5/2002 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Duân chuyển nhượng cho bà Phạm Minh H là đúng quy định của pháp luật. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T đã cung cấp bản sao cho Tòa án toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342, 343, 348, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N;

Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260 – LAV - 201300362 ngày 30/11/2010 tạm tính đến ngày 08 tháng 01 năm 2020 là: 985.000.000 (*Chín trăm tám mươi lăm triệu*) đồng;

Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả Ngân hàng N số tiền nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày xét xử là: 1.782.043.887 (*Một tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy*) đồng; trong đó lãi trong hạn là: 1.181.112.498 đồng và lãi quá hạn là 600.931.389 đồng;

Tổng số tiền ông Nguyễn Mạnh C phải trả Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 2.767.043.887 (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy*) đồng.

Kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2020, ông Nguyễn Mạnh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp ông Nguyễn Mạnh C không trả được nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

Quyền ở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của thửa đất tại địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 176998, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00485.QSĐĐ/399.QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 09 tháng 5 năm 2002 mang tên bà Phạm Minh H.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Mạnh C phải chịu 87.340.878 (*Tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi tám*) đồng án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **55.000.000** (*Năm mươi lăm triệu*) đồng theo biên lai thu số **8298** ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2019. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long